

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

TÌM HIỂU

Quy định của Luật Đường bộ năm 2024 về đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

Luật Đường bộ được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2024, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật Quy hoạch năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự (sau đây viết tắt là Luật Đường bộ năm 2024).

Sở Tư pháp tỉnh Tuyền Quang trân trọng giới thiệu quy định của Luật Đường bộ năm 2024 về đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

I. Quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ

Điều 12 Luật Đường bộ năm 2024 quy định về quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ như sau:

1. Quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ phải phù hợp với quy hoạch mạng lưới đường bộ; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch sử dụng đất cấp xã và các quy hoạch khác có liên quan.

2. Quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ trong đô thị là một bộ phận của đất dành cho giao thông so với đất xây dựng đô thị.

3. Tỷ lệ đất dành cho giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt từ 11% đến 26%, phù hợp với tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực nội thành, nội thị của từng loại đô thị theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Đô thị có yếu tố đặc thù theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì tỷ lệ đất dành cho giao thông so với đất xây dựng đô thị tối thiểu đạt 50% tỷ lệ đất dành cho giao thông trên đất xây dựng đô thị.

II. Đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ

Điều 13 Luật Đường bộ năm 2024 quy định về đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ như sau:

1. Đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm:

a) Đất của đường bộ gồm phần đất để xây dựng công trình đường bộ và phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ;

b) Đất để xây dựng bên xe; bãi đỗ xe; điểm dừng xe, đỗ xe; trạm dừng nghỉ; các công trình phụ trợ phục vụ cho hoạt động đường bộ;

c) Hành lang an toàn đường bộ.

2. Việc quản lý, sử dụng đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ phải tuân thủ quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quy hoạch, pháp luật về quy hoạch đô thị, pháp luật về xây dựng, quy định của Luật Đường bộ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp do vị trí tự nhiên mà việc thoát nước từ công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ buộc phải qua bất động sản khác thì chủ sở hữu bất động sản có hệ thống thoát nước đi qua phải dành một lối thoát nước thích hợp, không được cản trở hoặc ngăn chặn hệ thống thoát nước.

Người quản lý, sử dụng đường bộ phải hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại cho chủ sở hữu bất động sản khi xây dựng, lắp đặt hệ thống thoát nước; nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

III. Phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ

Điều 14 Luật Đường bộ năm 2024 quy định về phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ như sau:

1. Chiều rộng phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ ngoài đô thị phụ thuộc vào cấp kỹ thuật của đường bộ và được xác định theo nguyên tắc sau đây:

a) Đối với đường bộ có nền đắp, phần đất để bảo vệ, bảo trì được xác định từ chân ta luy nền đường ra bên ngoài;

b) Đối với đường bộ có nền đào, phần đất để bảo vệ, bảo trì được xác định từ mép ngoài cùng của rãnh đỉnh ra bên ngoài; ở nơi không xây dựng rãnh đỉnh thì xác định từ mép trên cùng đỉnh mái ta luy dương nền đường ra bên ngoài;

c) Đối với cầu, cống, rãnh, hố thu và các hạng mục công trình của đường bộ thì phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ được xác định từ mép ngoài bộ phận kết cấu ngoài cùng của công trình trở ra; đối với cầu cạn, cầu vượt trên cao, phạm vi đất để bảo vệ, bảo trì cầu được xác định từ mép ngoài trở ra của móng các hạng mục công trình mố, trụ, mép ngoài của kết cấu cầu;

d) Đối với trường hợp không thuộc các trường hợp nêu trên, phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ nằm dọc phía ngoài lề đường và cách lề đường một khoảng đủ để xây dựng rãnh thoát nước, nhưng không nhỏ hơn 01 mét.

2. Phần đất để bảo vệ, bảo trì đường đô thị được xác định theo nguyên tắc sau đây:

a) Đường đô thị đã có hè phố thì sử dụng một phần hè phố để thực hiện bảo vệ, bảo trì đường đô thị;

b) Trường hợp đường đô thị đi sát với tường bao nhà ở, tường bao công trình xây dựng khác, đường không có hè phố, đường nằm trong ngõ, ngách, kiệt, hẻm, đường nội bộ khu dân cư đô thị thì được sử dụng một phần mặt đường khi thực hiện bảo vệ, bảo trì đường đô thị;

c) Trường hợp không thuộc các trường hợp nêu trên thì được xác định tương tự đường ngoài đô thị;

d) Phần đất để bảo vệ, bảo trì cầu, cống, rãnh, hồ thu và các hạng mục công trình của đường đô thị thì phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ được xác định từ mép ngoài bộ phận kết cấu ngoài cùng của công trình trở ra; đối với cầu cạn, cầu vượt trên cao, phạm vi đất để bảo vệ, bảo trì cầu được xác định từ mép ngoài trở ra của móng các hạng mục công trình mố, trụ, mép ngoài của kết cấu cầu. Trường hợp cầu, cống, rãnh, hồ thu và các hạng mục công trình của đường đô thị nằm liền kề với công trình xây dựng khác thì phần đất để bảo vệ, bảo trì là ranh giới của các công trình.

3. Tại các đoạn đường chồng lấn, giao nhau, phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ được xác định theo đường có cấp kỹ thuật cao hơn; đối với các đường liền kề nhau, phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ được xác định từ mép của đường ngoài cùng trở ra.

4. Trường hợp phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ chồng lấn với phạm vi đất dành cho đường sắt thì việc sử dụng phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ không được ảnh hưởng đến an toàn giao thông và an toàn công trình đường sắt.

5. Trường hợp phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ chồng lấn với hành lang bảo vệ đê, việc sử dụng phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ không được ảnh hưởng đến vận hành và an toàn công trình đê điều. Trường hợp phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ chồng lấn với phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, việc sử dụng phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ không được ảnh hưởng đến vận hành và an toàn công trình thủy lợi; nếu bị ảnh hưởng thì người quản lý, sử dụng đường bộ, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý công trình thủy lợi phải có biện pháp khắc phục, bảo đảm an toàn công trình đường bộ, công trình thủy lợi và an toàn giao thông.

6. Phần đất để bảo vệ, bảo trì hầm đường bộ, bên phà đường bộ, cầu phao đường bộ, công trình kè, tường chắn được xác định như sau:

a) Phần đất để bảo vệ, bảo trì hầm đường bộ phụ thuộc vào cấp công trình hầm và được xác định từ mép ngoài cửa hầm chính, cửa hầm phụ, cửa hầm thông gió và các hạng mục công trình khác ra xung quanh;

b) Phần đất để bảo vệ, bảo trì bên phà đường bộ phụ thuộc vào cấp công trình phà và được xác định từ mép ngoài đường xuống bến, công trình bến; phần

đất để bảo vệ, bảo trì cầu phao đường bộ được xác định từ mép ngoài đường đầu cầu phao và mố, trụ cầu phao;

c) Trường hợp đường bộ có phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ chồng lấn với công trình đường thủy nội địa, ranh giới đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ là chân móng của đường, các hạng mục thuộc công trình đường bộ;

d) Phần đất bảo vệ, bảo trì công trình kè, tường chắn được xác định từ mép ngoài của bộ phận ngoài cùng của công trình ra xung quanh.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

IV. Hành lang an toàn đường bộ

Điều 15 Luật Đường bộ năm 2024 quy định về hành lang an toàn đường bộ như sau:

1. Chiều rộng hành lang an toàn đường bộ được xác định theo nguyên tắc sau đây:

a) Đối với đường ngoài đô thị, xác định từ mép ngoài phần đất để bảo vệ, bảo trì đường bộ, theo quy mô, cấp kỹ thuật của đường; trường hợp đường hiện hữu chưa xác định cấp kỹ thuật, thì căn cứ chiều rộng mặt đường và tiêu chuẩn thiết kế đường để xác định cấp kỹ thuật tương ứng làm căn cứ xác định chiều rộng hành lang an toàn đường bộ;

b) Đối với đường đô thị, xác định từ mép ngoài phần đất để bảo vệ, bảo trì đường đô thị đến chỉ giới đường đỏ nhưng không lớn hơn chiều rộng hành lang của đường ngoài đô thị cùng cấp;

c) Đối với cầu, bến phà, cầu phao đường bộ, xác định theo chiều dọc, chiều ngang công trình và phụ thuộc cấp sông, quy mô công trình; đối với cầu cạn, cầu vượt trên cao, xác định từ mép ngoài của phần đất để bảo vệ, bảo trì cầu;

d) Đối với hầm đường bộ, xác định từ mép ngoài của phần đất bảo vệ công trình hầm ra xung quanh;

đ) Đường bộ có kè, tường chắn bảo vệ nằm trong phạm vi đất dành cho kết cấu hạ tầng đường bộ, xác định từ mép ngoài của kè, tường chắn bảo vệ trở ra nhưng không lớn hơn chiều rộng hành lang an toàn đường bộ nêu trên;

e) Đối với đường thôn, đường ngõ, ngách, kiệt, hẻm trong đô thị và đường khác không cho xe ô tô di chuyển thì không bắt buộc bố trí hành lang an toàn đường bộ.

2. Đối với đường bộ có hành lang an toàn chồng lấn với các công trình khác thì được phân định theo nguyên tắc sau đây:

a) Đường bộ có hành lang an toàn chồng lấn với hành lang an toàn đường sắt, việc phân định ranh giới quản lý theo nguyên tắc ưu tiên bố trí hành lang an

toàn cho đường sắt. Việc quản lý, sử dụng hành lang an toàn đường sắt không được làm ảnh hưởng đến chất lượng công trình đường bộ và an toàn giao thông;

b) Đường bộ có hành lang an toàn chồng lấn với hành lang bảo vệ đường thủy nội địa, việc quản lý, sử dụng hành lang bảo vệ đường thủy nội địa không được ảnh hưởng đến chất lượng công trình và an toàn giao thông;

c) Đường bộ đi chung với đê hoặc có hành lang an toàn chồng lấn với hành lang bảo vệ đê, việc phân định ranh giới quản lý theo nguyên tắc ưu tiên bố trí hành lang bảo vệ đê; trường hợp hành lang an toàn đường bộ lớn hơn hành lang bảo vệ đê thì tính theo hành lang an toàn đường bộ;

d) Tại các đoạn đường chồng lấn, giao nhau, hành lang an toàn đường bộ được xác định theo đường có cấp kỹ thuật cao hơn; các đường liền kề nhau thì xác định hành lang an toàn đường bộ theo đường ngoài cùng.

3. Việc xác định và quản lý mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ được quy định như sau:

a) Mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ được xác định theo quy mô, cấp kỹ thuật, hướng tuyến, phạm vi xây dựng công trình đường bộ;

b) Chủ đầu tư xây dựng công trình đường bộ có trách nhiệm tổ chức thực hiện cắm mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ; bàn giao cho cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ;

c) Cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm công bố công khai mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ; điều chỉnh, bổ sung mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ trong thời gian quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

d) Cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm quản lý mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

V. Quản lý, sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ

Điều 16 Luật Đường bộ năm 2024 quy định về quản lý, sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ như sau:

1. Đất hành lang an toàn đường bộ đã được Nhà nước thu hồi phải được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Đường bộ, quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Việc sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ phải bảo đảm các quy định sau đây:

- a) Bảo đảm an toàn công trình đường bộ và công trình khác trong hành lang an toàn đường bộ;
- b) Không che lấp báo hiệu đường bộ, không ảnh hưởng đến tầm nhìn xe chạy, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
- c) Bảo vệ cảnh quan, môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Đất hành lang an toàn đường bộ chưa được Nhà nước thu hồi thì người sử dụng đất được tiếp tục sử dụng theo quy định của Luật Đất đai và đáp ứng các quy định về sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ.

4. Việc trồng, chăm sóc và khai thác cây trong hành lang an toàn đường bộ phải bảo đảm quy định về sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ và các quy định sau đây:

- a) Thực hiện các biện pháp cần thiết để tránh nguy cơ gãy, đổ cây gây mất an toàn cho người, phương tiện tham gia giao thông đường bộ; gây hư hại công trình đường bộ và công trình liền kề;
- b) Cắt xén khi cây che lấp báo hiệu đường bộ, che khuất tầm nhìn của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ và ảnh hưởng tới an toàn giao thông đường bộ;
- c) Không được ảnh hưởng tới chất lượng và hoạt động bảo trì đường bộ.

5. Sử dụng đất hành lang an toàn đường bộ chồng lấn với phạm vi bảo vệ đê điều, vùng phụ cận công trình thủy lợi, phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, hành lang bảo vệ đường sắt phải tuân thủ quy định của Luật Đê điều, Luật Thủy lợi, Luật Đường sắt, Luật Đất đai, Luật Đường bộ và quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Đường gom phải được xây dựng ngoài hành lang an toàn đường bộ, trừ trường hợp đường gom đồng thời là đường bên. Trường hợp không thể bố trí được đường gom ngoài hành lang an toàn đường bộ thì có thể bố trí trong hành lang an toàn đường bộ, nhưng phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Chiều rộng hành lang an toàn đường bộ còn lại đủ để mở rộng đường theo quy hoạch;
- b) Bảo đảm an toàn công trình đường bộ;
- c) Bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và tầm nhìn xe chạy.

VI. Phạm vi bảo vệ trên không và phía dưới đường bộ

Điều 17 Luật Đường bộ năm 2024 quy định về phạm vi bảo vệ trên không và phía dưới đường bộ như sau:

1. Phạm vi bảo vệ trên không của phần đường theo phương thẳng đứng không thấp hơn chiều cao tĩnh không của đường. Đối với đoạn đường có dự phòng chiều cao tăng cường lớp mặt đường, chiều cao bù lún và các trường hợp cần dự phòng tôn cao mặt đường thì phải cộng chiều cao này với chiều cao tĩnh không.

2. Phạm vi bảo vệ trên không của cầu đường bộ được quy định như sau:

a) Phạm vi bảo vệ trên không của cầu đường bộ tính từ điểm cao nhất của kết cấu trên các mặt cắt ngang cầu trở lên theo phương thẳng đứng là 02 mét nhưng không thấp hơn chiều cao tĩnh không nêu tại mục 1 nêu trên;

b) Cầu đường bộ xây dựng vượt đường sắt, đường bộ khác phải bảo đảm tĩnh không của đường sắt, đường bộ bên dưới;

c) Cầu đường bộ xây dựng trên khu vực có hoạt động giao thông đường thủy nội địa, giao thông hàng hải phải bảo đảm khổ thông thuyền cho tàu, thuyền lưu thông an toàn theo quy định của pháp luật về đường thủy nội địa và pháp luật về hàng hải.

3. Phạm vi bảo vệ công trình hầm đường bộ được xác định từ các bộ phận kết cấu của hầm đường bộ ra xung quanh đủ để bảo đảm an toàn đối với công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình, an toàn trong vận hành, khai thác, sử dụng và bảo đảm tuổi thọ công trình theo thiết kế; phạm vi bảo vệ bên ngoài của hầm đường bộ là khoảng không đủ để bảo đảm an toàn cho vận hành, khai thác và sử dụng hầm đường bộ và các thiết bị của hầm đường bộ.

4. Giới hạn theo phương thẳng đứng của đường dây thông tin, viễn thông đi phía trên đường bộ không nhỏ hơn 5,5 mét tính từ điểm thấp nhất của đường dây thông tin, viễn thông đi qua đường bộ tới điểm cao nhất trên mặt đường. Trường hợp đường dây đi phía trên cầu đường bộ phải đáp ứng đồng thời quy định này và quy định về phạm vi bảo vệ trên không của cầu đường bộ.

5. Giới hạn theo phương thẳng đứng của đường dây tải điện, dây dẫn điện đi phía trên đường bộ được quy định như sau:

a) Trường hợp đường dây tải điện, dây dẫn điện đi phía trên đường bộ thì khoảng cách theo phương thẳng đứng tính từ điểm cao nhất của mặt đường bộ tới điểm thấp nhất của đường dây tải điện, dây dẫn điện đi phía trên đường bộ không nhỏ hơn chiều cao tĩnh không của đường bộ cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo quy định của pháp luật về điện lực;

b) Trường hợp đường dây tải điện, dây dẫn điện đi phía trên cầu phải đáp ứng quy định về phạm vi bảo vệ trên không của cầu đường bộ cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo quy định của pháp luật về điện lực, nhưng không thấp hơn quy định nêu tại điểm a nêu trên;

c) Đường dây tải điện, dây dẫn điện đi phía trên cột đèn chiếu sáng của đường bộ phải bảo đảm khoảng cách theo phương thẳng đứng tính từ điểm cao nhất của cột đèn chiếu sáng tới điểm thấp nhất của đường dây tải điện, dây dẫn điện không nhỏ hơn 02 mét cộng với khoảng cách an toàn phóng điện theo quy định của pháp luật về điện lực.

6. Trường hợp đường dây thông tin, viễn thông, đường dây tải điện, dây dẫn điện đi phía trên cầu dây treo, ngoài việc thực hiện quy định về phạm vi bảo vệ trên không của cầu đường bộ; giới hạn theo phương thẳng đứng của đường dây thông tin, viễn thông đi phía trên đường bộ; giới hạn theo phương thẳng đứng của đường dây tải điện, dây dẫn điện đi phía trên đường bộ còn phải bảo đảm an toàn cho hệ thống dây treo và trụ tháp của cầu.

7. Giới hạn khoảng cách an toàn trên không đối với trạm thu phát và các hạng mục công trình đường bộ khác được tính từ điểm cao nhất của công trình trở lên theo phương thẳng đứng là 02 mét; đối với đường dây tải điện, dây dẫn điện còn phải bảo đảm khoảng cách an toàn phóng điện theo quy định của pháp luật về điện lực.

8. Khi tiến hành xây dựng, khai thác, bảo trì công trình ngầm bên dưới công trình đường bộ phải bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo đảm an toàn cho công trình đường bộ, công trình liền kề.

9. Chính phủ quy định chi tiết về giới hạn theo phương thẳng đứng của đường dây tải điện, dây dẫn điện đi phía trên đường bộ.

VII. Xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

Điều 18 Luật Đường bộ năm 2024 quy định về xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ như sau:

1. Biển quảng cáo gồm bảng quảng cáo, băng rôn, biển hiệu, hộp đèn, màn hình chuyên quảng cáo theo quy định của pháp luật về quảng cáo. Biển quảng cáo được xây dựng, lắp đặt tại các vị trí sau đây:

a) Trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ, trừ hành lang an toàn đường cao tốc và hành lang an toàn đường bộ tại nút giao;

b) Trường hợp nút giao có đường kính lớn hơn 02 lần chiều rộng hành lang an toàn đường bộ, thì được xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo trong phạm vi đất giữa nút giao nhưng phải bảo đảm khoảng cách từ biển quảng cáo đến mép ngoài mặt đường theo các hướng không nhỏ hơn chiều rộng hành lang an toàn đường bộ.

2. Việc xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Không được che khuất báo hiệu đường bộ; không ảnh hưởng đến tầm nhìn của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ;

b) Không ảnh hưởng đến việc quản lý, khai thác, sử dụng và bảo trì đường bộ, không ảnh hưởng đến an toàn công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, an toàn giao thông đường bộ;

c) Biển quảng cáo phải được lắp đặt bảo đảm bền vững, an toàn, chịu được tác động của tải trọng và các tác động khác; phải được thiết kế, thẩm định và xây dựng theo quy định của Luật Đường bộ, quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quảng cáo.

3. Việc xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo phải được cơ quan quản lý đường bộ chấp thuận bằng văn bản về vị trí, quy mô, kích thước biển quảng cáo, phương án thi công để bảo đảm an toàn giao thông, an toàn cho công trình đường bộ và công trình liền kề khác.

4. Tổ chức, cá nhân xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo có trách nhiệm sau đây:

a) Xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo đáp ứng các quy định nêu trên;

b) Việc tháo dỡ biển quảng cáo, các bộ phận của biển quảng cáo không được làm ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng đường bộ và không được bồi thường khi có yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ;

c) Tuân thủ quy định khác của Luật Đường bộ, pháp luật về xây dựng, pháp luật về quảng cáo;

5. Việc xây dựng, lắp đặt biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị phải đáp ứng yêu cầu quy định về xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo; phải được cơ quan quản lý đường bộ chấp thuận bằng văn bản về vị trí, quy mô, kích thước, phương án thi công; việc tháo dỡ không được làm ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng đường bộ và không được bồi thường khi có yêu cầu của cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ; phải tuân thủ quy định khác của Luật Đường bộ, pháp luật về xây dựng, pháp luật về quảng cáo.

VIII. Xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

Điều 19 Luật Đường bộ năm 2024 quy định về xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ như sau:

1. Trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, không được xây dựng công trình khác, trừ trường hợp sau đây:

- a) Công trình phục vụ quốc phòng, an ninh;
- b) Công trình thông tin, viễn thông, đường dây tải điện, dây dẫn điện, cột viễn thông, trạm thu phát sóng di động, cột điện;
- c) Công trình cấp năng lượng, cấp nước, thoát nước, trừ nhà máy nước, nhà máy sản xuất năng lượng;
- d) Công trình thủy lợi, đê điều, phòng, chống thiên tai, thủy điện;
- đ) Băng tải phục vụ sản xuất, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, các công trình đặc biệt khác;
- e) Tuyến đường khác giao cắt hoặc đi song song với đường hiện hữu.

2. Công trình khi xây dựng, lắp đặt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ phải bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, an toàn trong xây dựng, an toàn giao thông đường bộ, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và không ảnh hưởng đến khai thác, sử dụng kết cấu hạ tầng đường bộ.

3. Việc xây dựng, lắp đặt công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ phải được cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản, trừ công trình đê điều và trường hợp nêu tại mục 4 dưới đây.

4. Đường dây tải điện, dây dẫn điện, đường dây thông tin, viễn thông xây dựng bên trên đường bộ không cần có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền khi đáp ứng các quy định sau đây:

- a) Cột công trình hạ tầng nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ;
- b) Chiều cao đường dây đi bên trên đường bộ đáp ứng quy định về phạm vi bảo vệ trên không và phía dưới đường bộ;
- c) Đường dây không ảnh hưởng đến an toàn trong vận hành, khai thác công trình đường bộ.

5. Công trình hạ tầng xây dựng, lắp đặt trong phạm vi bảo vệ đường chuyên dùng phải được sự đồng ý của người quản lý, sử dụng đường bộ đối với đường chuyên dùng.

6. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ, trừ công trình đê điều, công trình quốc phòng, an ninh phải hoàn trả công trình đường bộ bị ảnh hưởng, bố trí kinh phí và tổ chức di dời công trình trong các trường hợp sau đây:

- a) Khi cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền, người quản lý, sử dụng đường bộ có yêu cầu di dời công trình để đầu tư, xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng, cải tạo, sửa chữa, bảo trì công trình đường bộ;
- b) Công trình ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ, an toàn công trình đường bộ mà không có biện pháp khắc phục;

c) Công trình xây dựng trái phép.

7. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

IX. Xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ

Điều 20 Luật Đường bộ năm 2024 quy định về xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ như sau:

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ là công trình được xây dựng để bố trí, lắp đặt đường dây thông tin, viễn thông, đường dây tải điện, dây dẫn điện, chiếu sáng công cộng; đường ống cấp nước, thoát nước, cấp năng lượng.

2. Việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Phù hợp với quy hoạch, quy mô của dự án, cấp kỹ thuật của đường bộ;

b) Bảo đảm quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật trong xây dựng; bảo đảm quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; bảo đảm an toàn công trình, bảo đảm cảnh quan và môi trường;

c) Tuân thủ quy định của Luật Đường bộ, quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ được thực hiện đối với các trường hợp sau đây:

a) Đầu tư xây dựng đường đô thị phải kết hợp với bố trí, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung để bảo đảm tính đồng bộ nhằm tiết kiệm tài nguyên đất, tiết kiệm chi phí đầu tư, xây dựng, bảo đảm cảnh quan và môi trường, nâng cao hiệu quả khai thác các công trình và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong giai đoạn vận hành, khai thác, sử dụng đường đô thị;

b) Đầu tư xây dựng cầu đường bộ phải thiết kế, bố trí vị trí để lắp đặt đường dây thông tin, viễn thông, đường ống cấp nước, đường dây tải điện, dây dẫn điện, trừ dây dẫn điện cao thế và dây dẫn điện không có bộ phận cách điện;

c) Đầu tư xây dựng hầm đường bộ phải thiết kế, lắp đặt cống cấp, hào hoặc tuy nèn kỹ thuật để bố trí, lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy, đường ống cấp nước, thoát nước, đường dây thông tin, viễn thông, đường ống cấp nước, đường dây tải điện, dây dẫn điện;

d) Trường hợp cần thiết khác.

4. Việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ phải bảo đảm các quy định sau đây:

a) Không ảnh hưởng đến an toàn công trình đường bộ, an toàn giao thông đường bộ; không cản trở công tác bảo trì công trình đường bộ;

b) Bảo đảm quy định về quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật trong xây dựng; bảo đảm quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; bảo đảm an toàn công trình, bảo đảm cảnh quan và môi trường; tuân thủ quy định của Luật Đường bộ, quy định của pháp luật về xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Thực hiện di dời, tháo dỡ công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, công trình lắp đặt trong công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung khi có yêu cầu của người quản lý, sử dụng công trình đường bộ để đầu tư, xây dựng, nâng cấp, mở rộng và bảo trì công trình đường bộ; thực hiện biện pháp nhằm bảo đảm an toàn cho công trình đường bộ, an toàn phòng, chống cháy, nổ; tổ chức giao thông và các trường hợp cần thiết khác;

d) Người quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ, người quản lý, sử dụng công trình đường bộ có trách nhiệm phối hợp trong quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì các công trình để bảo đảm an toàn trong khai thác, sử dụng các công trình, bảo đảm chất lượng, thời hạn khai thác, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật;

đ) Người quản lý, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ, người quản lý, sử dụng công trình đường bộ, trừ trường hợp phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, có trách nhiệm đóng góp chi phí để thực hiện vận hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

X. Bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ

Điều 21 Luật Đường bộ năm 2024 quy định về bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ như sau:

1. Bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ bao gồm:

a) Hoạt động bảo đảm an toàn kết cấu hạ tầng đường bộ;

b) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hành vi hủy hoại, lấn, chiếm, sử dụng trái phép kết cấu hạ tầng đường bộ, đầu nối trái phép vào đường bộ và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ.

2. Phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ là giới hạn trên mặt đất, trên mặt nước, trên không và phần dưới mặt đất, dưới mặt nước của kết cấu hạ tầng đường bộ.

3. Trách nhiệm bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ quy định như sau:

a) Bộ Xây dựng tổ chức thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý;

b) Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức thực hiện bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với người quản lý, sử dụng đường bộ để tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; công bố công khai mốc lộ giới sử dụng đất trong hành lang an toàn đường bộ; kịp thời xử lý trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ, đất của đường bộ;

c) Người quản lý, sử dụng đường bộ có trách nhiệm bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý; trường hợp phát hiện công trình bị hư hỏng, nguy cơ gây ra sự cố công trình, nguy cơ mất an toàn giao thông đường bộ thì phải xử lý, sửa chữa, khắc phục kịp thời; công khai về mốc lộ giới hành lang an toàn đường bộ, báo cáo và yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hành lang an toàn đường bộ bị lấn, chiếm, sử dụng trái phép để xử lý; thực hiện các công việc khác về quản lý, bảo vệ hành lang an toàn đường bộ theo quy định của Luật Đường bộ, Luật Đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Tổ chức, cá nhân phát hiện công trình đường bộ bị hư hỏng hoặc bị xâm hại, hành lang an toàn đường bộ bị lấn chiếm phải kịp thời thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý đường bộ hoặc cơ quan công an nơi gần nhất để xử lý; trường hợp cần thiết có biện pháp báo hiệu ngay cho người tham gia giao thông đường bộ biết. Khi nhận được tin báo, cơ quan có trách nhiệm phải nhanh chóng thực hiện các biện pháp khắc phục để bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này./.